

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN GÒ CÔNG TÂY  
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 287/2022/HNGĐ-ST;

Ngày: 22-8-2022.

V/v “Ly hôn, tranh chấp về nuôi  
con”.

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ CÔNG TÂY**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Võ Thị Xuân.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Bà Trần Kim Chi.

Bà Nguyễn Thị Cẩm Hồng.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Phan Thị N Ngân, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Công Tây tham gia phiên tòa:**  
Ông Nguyễn Văn Quý, Kiểm sát viên.

Trong ngày 22 tháng 8 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 219/2022/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 7 năm 2022 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 98/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 8 năm 2022, của Toà án nhân dân huyện Gò Công Tây, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Lê Thị Thúy N, sinh năm 1986.

Địa chỉ: Khu phố 2, Phường 5, thị xã G, tỉnh Tiền Giang.

2. *Bị đơn:* Lê Minh H, sinh năm 1982.

Địa chỉ: Ấp L, xã Y, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

(Chị N và anh H xin vắng mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*\* Tại đơn xin ly hôn và các lời trình bày tại tòa nguyên đơn chị Lê Thị Thúy N trình bày:*

Chị và anh Lê Minh H cưới nhau năm 2010, do tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Y. Sau khi cưới anh chị sống hạnh phúc đến đầu năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống vợ chồng, anh H không lo làm ăn, không quan tâm đến gia đình, chị đã khuyên can nhiều lần nhưng không được. Anh chị ly thân từ đầu năm 2020

đến nay, nay xét thấy tình cảm không còn, đời sống vợ chồng không còn hạnh phúc và không thể hàn gắn lại được.

Về quan hệ tình cảm: Chị yêu cầu ly hôn với anh Lê Minh H.

Về con chung: Có 02 con tên Lê Quốc K, sinh ngày 18/01/2011 và Lê Quốc K1, sinh ngày 07/5/2020, hiện hai con đang sống với chị, khi ly hôn chị yêu cầu nuôi hai con và không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Không có.

*\* Tại biên bản hòa giải bị đơn anh Lê Minh H trình bày:*

Anh thống nhất với lời trình bày của chị N về thời gian, địa điểm kết hôn, còn trong quá trình chung sống vợ chồng không có mâu thuẫn.

Nay anh không đồng ý ly hôn với chị Lê Thị Thúy N.

Về con chung: Có 02 con tên Lê Quốc Kiệt, sinh ngày 18/01/2011 và Lê Quốc Khang, sinh ngày 07/5/2020, hiện hai con đang sống với chị N, khi ly hôn anh yêu cầu nuôi cháu Khang và không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Không có.

*\* Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng đã chấp hành theo đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Về nội dung, đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Lê Thị Thúy N và anh Lê Minh H; ghi nhận sự thỏa thuận giữa chị N và anh H về việc giao cháu Lê Quốc K, sinh ngày 18/01/2011 và Lê Quốc K1, sinh ngày 07/5/2020 cho chị N nuôi dưỡng.*

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Nguyên đơn chị Lê Thị Thúy N yêu cầu ly hôn với anh Lê Minh H, yêu cầu nuôi con chung nên Hội đồng xét xử xác định đây là “Tranh chấp ly hôn, tranh chấp về nuôi con” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn có nơi cư trú tại địa phương nên thuộc thẩm quyền xét xử của Tòa án nhân dân huyện G theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Xét nguyên đơn chị Lê Thị Thúy N và bị đơn anh Lê Minh H có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự quyết định xét xử vắng mặt chị N và anh H.

[3] Đối với yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị Thúy N, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[3.1] Về tình cảm: Chị Lê Thị Thúy N và anh Lê Minh H cưới nhau năm 2010, do tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Y là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại khoản 1 Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình. Chị N xin ly hôn với anh H với lý do bất đồng quan điểm trong cuộc sống vợ chồng, anh H không lo làm ăn, không quan tâm đến gia đình, chị N đã khuyên can nhiều lần nhưng không được, chị N và anh H đã sống ly thân từ đầu năm 2020 đến nay. Chị N xin vắng mặt và vẫn giữ yêu cầu ly hôn với anh H, tại đơn xin vắng mặt anh H đồng ý ly hôn với chị N. Do vậy, Hội đồng xét xử ghi nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Lê Thị Thúy N và anh Lê Minh H là phù hợp với Điều 55 Luật hôn nhân gia đình.

[3.2] Về con chung: Chị N yêu cầu nuôi hai con chung là Lê Quốc K, sinh ngày 18/01/2011 và Lê Quốc K1, sinh ngày 07/5/2020. Hội đồng xét xử xét thấy cháu K và cháu K1 đang sống với chị N đã ổn định về chỗ ở, điều kiện sinh hoạt, học tập và cháu K có nguyện vọng muốn được sống với chị N, cháu K1 dưới 36 tháng tuổi cần giao cho mẹ nuôi dưỡng. Tại đơn xin vắng mặt anh H đồng ý để chị N nuôi cháu K và cháu K1. Do đó, Hội đồng xét xử ghi nhận sự thỏa thuận giữa chị N và anh H, giao cháu K và cháu K1 cho chị N tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình.

[3.3] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị N không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con và anh H không tự nguyện cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét..

[3.4] Về tài sản chung: Chị N và anh H khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3.5] Về nợ chung: Chị N và anh H khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí: Chị Lê Thị Thúy N phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định.

[5] Xét ý kiến và đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát là đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự và phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

**QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Căn cứ vào Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân gia đình.

- Căn cứ vào điểm a khoản 5 khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

**Xử:**

Về tình cảm: Ghi nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Lê Thị Thúy N và anh Lê Minh H.

Về con chung: Giao cháu Lê Quốc K, sinh ngày 18/01/2011 và Lê Quốc K1, sinh ngày 07/5/2020 cho chị Lê Thị Thúy N nuôi dưỡng cho đến khi cháu K và cháu K1 đủ 18 tuổi, lao động được.

Anh Lê Minh H được quyền đi lại, thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung sau khi ly hôn. Trường hợp thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn được thực hiện theo quy định tại Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình.

Về án phí: Chị Lê Thị Thúy N phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm; được trừ vào 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0006285 ngày 05/7/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện G, do vậy chị N đã nộp xong án phí.

Báo nguyên đơn và bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

**Nơi nhận:**

- Toà án nhân dân tỉnh
- VKSND huyện G;
- CQ thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- THADS huyện G;
- Các đương sự;
- Lưu án văn;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**Võ Thị Xuân**

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**